

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/52020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình về ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mừng

2. Bà Huỳnh Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 674/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc h, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 117, hẻm 95, Đường C, khu phố H, Phường N, thành phố T, tỉnh TN. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 117, hẻm 95, Đường C, khu phố H, Phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thành N kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn số 141 ngày 30/12/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Sau 02 năm chung sống, giữa anh chị đã xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N hay nhậu nhẹt, la cá về tới nhà kiểm chuyện chửi rửa chị. Tuy anh N không đánh đập chị nhưng làm tổn thương tinh thần chị rất nhiều. Chị đã khuyên răn anh N nhiều nhưng anh N không thay đổi. Hiện nay, theo chị anh N có dấu hiệu

không chung thủy dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 người con chung là cháu Nguyễn Viết C, sinh ngày 20/11/2005. Cháu C hiện nay đang theo học nội trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu C, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết vợ chồng chị không nợ tiền ai và không ai nợ tiền vợ chồng chị.

Bị đơn anh Nguyễn Thành N trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung. Theo anh, trước khi kết hôn, anh và chị H đã có 09 năm tìm hiểu nhau. Anh cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn vào thời gian cuối năm 2019, do cuối năm công việc nhiều, anh đi về công ty ở Kiên Giang hợp vài ngày mà không báo cho chị H nên chị H cho rằng anh không chung thủy. Anh nhận thấy vẫn còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh cam kết không có nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Chị H và anh N đăng ký kết hôn ngày 30/12/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh N và chị H đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, hiện nay đã sống riêng qua đó cho thấy, anh N và chị H đã có mâu thuẫn trầm trọng trong mối quan hệ hôn nhân. Tình cảm vợ chồng giữa chị H, anh N không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51,56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh N. Con chung: Anh N và chị H có 01 người con chung tên Nguyễn Viết C, sinh ngày 20/11/2005. Cả anh N và chị H đều có nguyện vọng được nuôi cháu C, không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu C có nguyện vọng được sống với chị H nên đề nghị Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Thành N được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Thành N có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên là vợ chồng là hợp pháp, quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy chị H và anh N đã có thời gian chung sống với nhau trên 15 năm, cùng nhau tạo lập kinh tế, xây dựng gia đình. Anh chị mâu thuẫn rõ rệt bắt đầu từ cuối năm 2018, nguyên nhân do anh N thiếu sự chia sẻ với chị H, nhất là việc anh đi vắng nhà nhiều ngày nhưng không báo cho chị H biết. Tháng 12/2018, chị H đã khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N, sau đó rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh chị không thể hàn gắn được. Hiện nay, theo chị H trình bày anh chị đã không còn sống chung nhà, anh N đã ra ngoài sống nhưng cụ thể ở đâu thì chị không biết. Trong Biên bản lấy lời khai, anh N trình bày anh còn thương chị H, không muốn ly hôn nhưng anh có không có thiện chí hòa giải, đưa ra các giải pháp cụ thể để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Chị H không đồng ý đoàn tụ, giữ nguyên yêu cầu được ly hôn; chị H, anh N đã có thời gian để hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, cho chị H được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Anh N và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Viết C, sinh ngày 20/11/2005, cả anh N và chị H đều có nguyện vọng được nuôi cháu C, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy về điều kiện kinh tế cả anh N và chị H đều có khả năng tự nuôi con mà không cần người còn lại phải cấp dưỡng. Cháu C hiện đang học nội trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ về Tây Ninh vào ngày nghỉ cuối tuần nên việc ở với anh N hay chị H cũng không ảnh hưởng đến môi trường học tập của cháu. Cháu C có nguyện vọng muốn sống cùng chị H nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Yêu cầu của chị H và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh về việc giao cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng

xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Thành N

Cho chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Thành N. Chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Thành N chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt C, sinh ngày 20/1/2005 cho chị Trần Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Trần Thị Ngọc H không yêu cầu anh Nguyễn Thành N cấp dưỡng nuôi cháu C.

Anh Nguyễn Thành N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Hiền đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002002 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- THADS thành phố Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND trị trấn M;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thanh Hoa